

Số: **536/2022/QĐST-HNGĐ**

*Hoài Đức, ngày 25 tháng 11 năm 2022*

**QUYẾT ĐỊNH  
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN  
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

Căn cứ hồ sơ vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 494/2022/TLST-HNGĐ ngày 10 tháng 11 năm 2022 về việc “tranh chấp hôn nhân gia đình”, giữa:

Nguyên đơn: Anh **Nguyễn Xuân V** – sinh năm: 1987; HKTT: Thôn Cao Hạ, xã Đức Giang, huyện Hoài Đức, thành phố Hà Nội.

Bị đơn: Chị **Nguyễn Thị M** - sinh năm: 1991; HKTT: Thôn Cao Hạ, xã Đức Giang, huyện Hoài Đức, thành phố Hà Nội.

Căn cứ Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, Điều 212 và Điều 213 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ các Điều 55, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 24; điểm a khoản 5, điểm a khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án và điểm 1.1 phần II mục A Danh mục án phí, lệ phí Tòa án ban hành kèm theo Nghị quyết;

Căn cứ vào Biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 17 tháng 11 năm 2022.

**XÉT THẤY:**

Việc thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự ghi trong Biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 17 tháng 11 năm 2022 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

**QUYẾT ĐỊNH:**

**1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa:**

**Anh Nguyễn Xuân V và chị Nguyễn Thị M.**

2. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1. Về con chung: Anh Nguyễn Xuân V và chị Nguyễn Thị M xác nhận có 02 con chung là Nguyễn Xuân T, sinh ngày 03/8/2011, Nguyễn Minh A, sinh ngày 22/5/2014.

Anh chị thỏa thuận giao cho anh V trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục và nuôi dưỡng cả hai con chung, kể từ khi quyết định ly hôn có hiệu lực pháp luật cho đến khi con chung đủ 18 tuổi hoặc đến khi có sự thay đổi khác.

Chị M đóng góp cấp dưỡng nuôi mỗi con chung là 2.000.000 (Hai triệu) đồng/tháng, kể từ khi quyết định ly hôn có hiệu lực pháp luật đến khi con chung đủ 18 tuổi hoặc đến khi có sự thay đổi khác.

Chị M có quyền, nghĩa vụ đi lại, thăm nom con chung không ai được cản trở.

2.2. Về tài sản chung, nhà ở chung: Anh chị không yêu cầu giải quyết nên Tòa án không xét.

2.3. Về công nợ: Anh chị xác nhận không nợ ai và không cho ai vay nợ, không yêu cầu giải quyết nên Tòa án không xét.

2.4. Về án phí: Ghi nhận sự tự nguyện của anh Nguyễn Xuân V chịu cả số tiền 150.000 (Một trăm năm mươi nghìn) đồng án phí ly hôn sơ thẩm và tự nguyện chịu thay chị M án phí về cấp dưỡng nuôi con là 150.000 (Một trăm năm mươi nghìn) đồng, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí anh V đã nộp là 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng, theo Biên lai thu số AA/2020/0016105 ngày 10/11/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hoài Đức, thành phố Hà Nội.

3. Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

4. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

**Nơi nhận:**

- Các đương sự;
- TAND TP Hà Nội;
- VKSND H.Hoài Đức;
- Chi cục THADS H.Hoài Đức;
- UBND x.ĐG, h.HĐ, HN; (GCNKH số 107/2010 ngày 17/12/2010);
- Lưu hồ sơ.

**THẨM PHÁN**

**Phạm Thị Lan Anh**